

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ
CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

MỤC LỤC

Trang

1. Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 31

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 3 ("Công ty") trình bày bản Báo cáo này và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3 tên bằng tiếng nước ngoài là District 3 Public Services Company Limited hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngày 01 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Một số nội dung chính của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Tên Doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 3
- Tên bằng tiếng nước ngoài : District 3 Public Services Company Limited.
- Trụ sở chính đặt tại : 200B Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Trường Phi, Chức danh: Giám đốc.
- Vốn điều lệ : 48.251.000.000 VND.
- Thời gian hoạt động : 49 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp : Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất phổ thông.
và ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các loại thuế khác : Theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị). Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị, san lấp nền. Sửa chữa trùng tu các loại xe chuyên dùng của Công ty và khách hàng. Kinh doanh vật tư vận tải. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao nhận quản lý (kể cả bán nhà theo chế độ quy định). Tham gia công tác giải tỏa, đền bù, và xây dựng bố trí tái định cư (theo hạng mục chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước giao). Lập dự án đầu tư và tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng. Mua bán và hợp thức hóa nhà ở. Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước. Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước. Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi. Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học. Cho thuê mặt bằng kinh doanh. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản. Thi công trồng, chăm sóc cây xanh. Xây dựng công viên. Duy tu bảo quản công viên. Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng. Dịch vụ giữ xe. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; đại lý mua bán xăng, dầu, bán lẻ nhiên liệu động cơ.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên

Họ và tên

Bà Vũ Thị Tường Vy

Ông Nguyễn Trường Phi

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Thảo

Chức vụ

Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Họ và tên

Ông Nguyễn Trường Phi

Ông Dương Văn Hai

Ông Nguyễn Khoa Nguyên

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám Đốc

Phó Giám Đốc

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Đơn vị tính (VND)

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập	39.413.086.749	39.186.944.395
Tổng chi phí	37.792.287.539	37.581.922.257
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.620.799.210	1.605.022.138

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh số liệu hay công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán AS là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 3.

7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2021

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Giám đốc

Nguyễn Trường Phi

Số: 300.02.21/AS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 3, được lập ngày 20 tháng 07 năm 2021 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 3 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2021



Trần Khắc Đại

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3177-2020-018-1

Nguyễn Thị Bảo Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3211-2020-018-1

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91.922.607.161	99.065.485.109
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	12.813.894.085	21.512.311.495
Tiền	111		4.234.908.793	2.512.311.495
Các khoản tương đương tiền	112		8.578.985.292	19.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	35.792.499.877	12.792.499.877
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.792.499.877	12.792.499.877
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.622.628.568	62.526.846.134
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	31.547.607.303	54.857.521.386
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.392.523.251	1.109.125.722
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7.682.498.014	6.560.199.026
Hàng tồn kho	140	V.05	2.309.332.241	2.232.473.986
Hàng tồn kho	141		2.309.332.241	2.232.473.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		384.252.390	1.353.617
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	384.252.390	1.353.617
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.553.365.320	38.216.352.375
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.645.307.555	2.645.307.555
Phải thu dài hạn khác	216	V.04	2.645.307.555	2.645.307.555
Tài sản cố định	220		19.054.683.625	20.717.670.680
TSCĐ hữu hình	221	V.06	18.862.183.635	20.486.670.688
+ Nguyên giá	222		42.075.963.412	42.075.963.412
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.213.779.777)	(21.589.292.724)
TSCĐ vô hình	227	V.07	192.499.990	230.999.992
+ Nguyên giá	228		645.300.000	645.300.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(452.800.010)	(414.300.008)
Bất động sản đầu tư	230	V.08	14.853.374.140	14.853.374.140
+ Nguyên giá	231		23.888.572.460	23.888.572.460
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.035.198.320)	(9.035.198.320)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.475.972.481	137.281.837.484

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

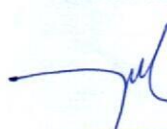
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
NỢ PHẢI TRẢ	300		58.259.102.093	68.685.766.306
Nợ ngắn hạn	310		32.386.040.150	42.606.722.425
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	3.904.663.848	7.111.456.883
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.885.400.779	1.868.207.779
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	3.541.144.658	5.246.238.108
Phải trả người lao động	314	V.11	9.456.637.838	11.768.602.260
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	742.368.725	168.015.473
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.855.824.302	16.444.201.922
Nợ dài hạn	330		25.873.061.943	26.079.043.881
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.839.730.473	1.839.730.473
Phải trả dài hạn khác	337	V.12	17.288.845.681	16.457.512.165
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	3.601.500.000	4.218.900.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.450.000.000	1.450.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.692.985.789	2.112.901.243
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.216.870.388	68.596.071.178
Vốn chủ sở hữu	410	V.14	53.528.123.122	51.907.323.912
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.250.637.015	48.250.637.015
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.653.207.937	3.653.207.937
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.624.278.170	3.478.960
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.478.960	3.478.960
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.620.799.210	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		16.688.747.266	16.688.747.266
Nguồn kinh phí	431	V.15	1.835.373.126	1.835.373.126
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.16	14.853.374.140	14.853.374.140
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.475.972.481	137.281.837.484

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mộng Kiều

Kế toán trưởng



Trần Thị Bảo Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2021

Giám đốc



Nguyễn Trường Phi

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	38.883.836.234	38.415.954.641
Các khoản giảm trừ	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.883.836.234	38.415.954.641
Giá vốn hàng bán	11	VI.02	36.539.589.579	33.680.564.561
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.344.246.655	4.735.390.080
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	528.614.151	742.176.808
Chi phí tài chính	22	VI.04	83.867.000	110.641.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>209.219.000</i>	<i>136.714.000</i>
Chi phí bán hàng	25	VI.05	577.367.559	591.949.737
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	180.795.188	2.782.266.663
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.030.831.059	1.992.709.488
Thu nhập khác	31	VI.07	636.364	28.812.946
Chi phí khác	32	VI.08	4.374.728	15.244.762
Lợi nhuận khác	40		(3.738.364)	13.568.184
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.027.092.695	2.006.277.672
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	406.293.485	401.255.534
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.620.799.210	1.605.022.138

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mộng Kiều

Kế toán trưởng



Trần Thị Bảo Trinh

Giám đốc




Nguyễn Trường Phi

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	65.224.324.037	45.140.341.174
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(19.209.349.809)	(29.796.790.952)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.321.289.126)	(20.769.586.847)
Tiền chi trả lãi vay	04	(83.867.000)	(110.641.000)
Tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(334.437.325)	(1.086.000.270)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.001.938.552	8.796.924.773
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.886.950.891)	(19.168.090.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.390.368.438	(16.993.843.526)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(23.000.000.000)	12.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	528.614.152	742.176.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.471.385.848)	12.742.176.808
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(617.400.000)	(617.400.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(617.400.000)	(617.400.000)

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.698.417.410)	(4.869.066.718)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.512.311.495	41.016.489.170
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.813.894.085	36.147.422.452

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mộng Kiều

Kế toán trưởng

Trần Thị Bảo Trinh

Giám đốc



Nguyễn Trường Phi

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 3 được nêu từ trang 06 đến trang 10. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01 . Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước.

02 . Lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động công ích, xây dựng, thương mại.

03 . Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị). Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị, san lấp nền. Sửa chữa trùng tu các loại xe chuyên dùng của Công ty và khách hàng. Kinh doanh vật tư vận tải. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao nhận quản lý (kể cả bán nhà theo chế độ quy định). Tham gia công tác giải tỏa, đền bù, và xây dựng bố trí tái định cư (theo hạng mục chi tiêu, kế hoạch nhà nước giao). Lập dự án đầu tư và tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng. Mua bán và hợp thức hóa nhà ở. Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước. Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước. Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi. Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học. Cho thuê mặt bằng kinh doanh. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản. Thi công trồng, chăm sóc cây xanh. Xây dựng công viên. Duy tu bảo quản công viên. Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng. Dịch vụ giữ xe. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; đại lý mua bán xăng, dầu, bán lẻ nhiên liệu động cơ.

04 . Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Doanh nghiệp không quá 12 tháng.

05 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Không có.

06 . Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01 . Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

02 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III .CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01 . Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

02 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

02 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

03 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, ...

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

04 . Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

05 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính số năm/tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm

07. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định vô hình được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

08. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và căn hộ chung cư thuộc sở hữu của Nhà nước giao cho Công ty quản lý, cho thuê hoặc bán theo ND 61/CP ngày 05 tháng 07 năm 1994 và diện tái định cư theo qui định hiện hành. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được ghi nhận theo đơn giá của UBND thành phố ban hành.

Chính sách khấu hao:

- Căn hộ tái định cư là bất động sản theo dõi để bán nên không tính khấu hao.
- Đối với nhà cho thuê để ở và kinh doanh: thực hiện theo công văn 11811/STC-NS ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Sở tài chính thì đối với các tài sản này công ty không trích khấu hao mà căn cứ tiền thu được từ kinh doanh, cho thuê trừ chi phí thực tế phát sinh, còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.
- Các bất động sản đầu tư khác sẽ khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm

09 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Doanh nghiệp bao gồm:

Dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

11 . Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Doanh nghiệp như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên/chủ sở hữu.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Doanh nghiệp là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15 . Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

18 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất phổ thông.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19 . Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

20 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt tại quỹ	20.618.137	39.632.139
Tiền gửi ngân hàng	4.214.290.656	2.472.679.356
Các khoản tương đương tiền (*)	8.578.985.292	19.000.000.000
Cộng	12.813.894.085	21.512.311.495

(*) Các khoản tương đương tiền cuối quý 2 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 3,0% - 3,7%/năm.

02 . Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	35.792.499.877	35.792.499.877	12.792.499.877	12.792.499.877
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng SCB	22.500.000.000	22.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng VCB	13.292.499.877	13.292.499.877	11.292.499.877	11.292.499.877
Cộng	35.792.499.877	35.792.499.877	12.792.499.877	12.792.499.877

03 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu các khách hàng khác		
Phải thu xây dựng cơ bản	6.107.451.889	6.394.295.171
Phải thu công tác thuê bao	19.824.696.463	42.449.175.629
Phải thu cho thuê mặt bằng	3.866.636.594	3.986.439.474
Phải thu phí vệ sinh môi trường	1.326.110.907	1.676.579.577
Phải thu đối tượng khác	422.711.450	351.031.535
Cộng	31.547.607.303	54.857.521.386

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . Phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải thu về cổ phần hóa	77.000.000	77.000.000
Tạm ứng người lao động	6.323.352.550	4.710.057.831
Ký cược, ký quỹ	339.606.880	339.606.880
Phải thu khác	942.538.584	1.433.534.315
Cộng	7.682.498.014	6.560.199.026
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
b) Dài hạn		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (*)</i>		
Giải tỏa kênh Nhiều Lọc	2.167.971.657	2.167.971.657
Phải thu khác	477.335.898	477.335.898
Cộng	2.645.307.555	2.645.307.555

(*) Các khoản chi phí giải tỏa mặt bằng này đã tồn lâu năm đến nay chưa được quyết toán.

05 . Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.214.132	-	25.790.566	-
Công cụ, dụng cụ	67.996.350	-	20.947.350	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.733.521.759	-	452.214.311	-
Hàng hoá	486.600.000	-	1.733.521.759	-
Cộng	2.309.332.241	-	2.232.473.986	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

06 . Tài sản cố định hữu hình

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá TSCĐ	42.075.963.412	-	-	42.075.963.412
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.081.662.078	-	-	2.081.662.078
Máy móc thiết bị	276.277.841	-	-	276.277.841
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	38.875.179.125	-	-	38.875.179.125
Thiết bị, dụng cụ quản lý	842.844.368	-	-	842.844.368
Giá trị hao mòn	21.589.292.724	1.624.487.053	-	23.213.779.777
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.895.225.169	27.041.359	-	1.922.266.528
Máy móc thiết bị	276.277.841	-	-	276.277.841
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.786.678.300	1.574.471.262	-	20.361.149.562
Thiết bị, dụng cụ quản lý	631.111.414	22.974.432	-	654.085.846
Giá trị còn lại	20.486.670.688			18.862.183.635
Nhà cửa, vật kiến trúc	186.436.909			159.395.550
Máy móc thiết bị	-			-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.088.500.825			18.514.029.563
Thiết bị, dụng cụ quản lý	211.732.954			188.758.522

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp xe tải ép rác Hino để đảm bảo cho các khoản tiền vay Quỹ bảo vệ môi trường Tp. HCM.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.037.199.586	999.790.767
Máy móc thiết bị	276.277.841	276.277.841
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.832.442.830	12.832.442.830
Thiết bị, dụng cụ quản lý	585.162.550	585.162.550
Cộng	14.731.082.807	14.693.673.988

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

07 . Tài sản cố định vô hình

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá TSCĐ	645.300.000	-	-	645.300.000
Phần mềm máy tính	645.300.000	-	-	645.300.000
Giá trị hao mòn	414.300.008	38.500.002	-	452.800.010
Phần mềm máy tính	414.300.008	38.500.002	-	452.800.010
Giá trị còn lại	230.999.992			192.499.990
Phần mềm máy tính	230.999.992			192.499.990

08 . Bất động sản đầu tư

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá TSCĐ	23.888.572.460	-	-	23.888.572.460
Nhà ở, kinh doanh	23.888.572.460	-	-	23.888.572.460
Giá trị hao mòn	9.035.198.320	-	-	9.035.198.320
Nhà ở, kinh doanh	9.035.198.320	-	-	9.035.198.320
Giá trị còn lại	14.853.374.140			14.853.374.140
Nhà ở, kinh doanh	14.853.374.140			14.853.374.140

09 . Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Đội dịch vụ đô thị	1.127.809.782	1.127.809.782	2.263.632.400	2.263.632.400
Đội thi công số 2	81.404.867	81.404.867	166.733.867	166.733.867
Đội cây xanh	940.978.035	940.978.035	2.377.956.635	2.377.956.635
Các nhà cung cấp khác	1.754.471.164	1.754.471.164	2.303.133.981	2.303.133.981
Cộng	3.904.663.848	3.904.663.848	7.111.456.883	7.111.456.883

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ cung cấp dịch vụ trong nước	1.607.155.252	2.345.675.107	3.634.194.717	318.635.642
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(253.617)	755.569.658	1.138.576.306	(383.260.265)
Thuế TNDN	84.437.325	406.293.485	334.437.325	156.293.485
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.066.573.247	3.281.873.415	1.773.692.041	2.574.754.621
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thu nhà kinh doanh SHNN	1.996.611.374	-	1.996.611.374	-
Phạt hành chính (*)	(1.100.000)	4.374.728	4.266.853	(992.125)
Các loại thuế khác	491.460.910	-	-	491.460.910
Cộng	5.244.884.491	6.796.786.393	8.884.778.616	3.156.892.268

(*) Thuế thu nhập cá nhân và các khoản khác nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước"

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

Trong nước 10% và không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.18.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

11 . Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền lương phải trả người lao động	9.265.069.340	11.232.761.618
Tiền lương phải trả ban điều hành	88.500.000	449.592.000
Tiền ăn giữa ca	103.068.498	86.248.642
Cộng	9.456.637.838	11.768.602.260

Đến thời điểm phát hành báo cáo này thì chưa nhận được phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương của Cơ quan ban ngành. Quỹ tiền lương được ghi nhận trong báo cáo dựa vào doanh thu thực hiện trong năm 2020 và kế hoạch tiền lương đã được phê duyệt trước đó.

12 . Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Phải trả khác ngắn hạn		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	742.368.725	168.015.473
Cộng	742.368.725	168.015.473
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
b) Phải trả khác dài hạn		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí thu gom rác tại nguồn	9.562.317.231	9.194.456.707
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.726.528.450	7.263.055.458
Cộng	17.288.845.681	16.457.512.165

13 . Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Quỹ bảo vệ môi trường				
Tp. HCM	3.601.500.000	3.601.500.000	4.218.900.000	4.218.900.000
Cộng	3.601.500.000	3.601.500.000	4.218.900.000	4.218.900.000

Khoản vay Quỹ bảo vệ môi trường Tp. HCM ngày 12 tháng 06 năm 2019 với hạn mức vay là 6.174.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư mua xe ô tô ép rác, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 4,27%/năm, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ khoản vay theo thuyết minh V.06.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

14 . Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.250.637.015	3.653.207.937	-	51.903.844.952
Lãi trong năm trước	-	-	9.239.987.302	9.239.987.302
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận các năm trước	-	-	3.478.960	3.478.960
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay	-	-	(7.243.375.928)	(7.243.375.928)
Nộp ngân sách nhà SHNN	-	-	(1.996.611.374)	(1.996.611.374)
Số cuối năm trước/ Số đầu kỳ này	48.250.637.015	3.653.207.937	3.478.960	51.907.323.912
Lãi trong kỳ này	-	-	1.620.799.210	1.620.799.210
Số cuối kỳ này	48.250.637.015	3.653.207.937	1.624.278.170	53.528.123.122

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	48.250.637.015
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	48.250.637.015
Vốn điều lệ còn phải đầu tư	-

15 . Nguồn kinh phí

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.835.373.126	1.835.373.126
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-
Số cuối năm	1.835.373.126	1.835.373.126

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

16 .Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số đầu năm	14.853.374.140	15.385.794.636
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Giảm bất động sản trong năm	-	532.420.496
Số cuối năm	14.853.374.140	14.853.374.140

VI .THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 .Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	525.388.067	600.826.401
Doanh thu hoạt động công ích	28.497.724.503	22.853.081.626
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	8.627.058.242	12.626.304.930
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	1.233.665.422	2.335.741.684
Cộng	38.883.836.234	38.415.954.641

02 .Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động xây dựng	455.399.157	547.841.381
Giá vốn hoạt động công ích, khác	25.897.233.822	18.934.478.668
Giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu	7.727.381.817	11.614.900.722
Giá vốn hoạt động cho thuê nhà SHNN	2.459.574.783	2.583.343.790
Cộng	36.539.589.579	33.680.564.561

03 .Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	528.614.151	742.176.808
Cộng	528.614.151	742.176.808

04 .Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	83.867.000	110.641.000
Cộng	83.867.000	110.641.000

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021**Đơn vị tính: VND***05 . Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	270.643.629	317.329.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.255.630	269.922.608
Chi phí bán hàng khác	45.468.300	4.698.000
Cộng	577.367.559	591.949.737

06 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.966.472.576	2.033.740.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	60.828.909
Chi phí khấu hao, phân bổ, chi phí đi thuê	24.698.232	24.698.232
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	937.213.200	937.213.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	984.447.952	952.167.606
Hoàn nhập chi phí lương	(3.735.036.772)	(1.229.381.722)
Cộng	180.795.188	2.782.266.663

07 . Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản khác	636.364	28.812.946
Cộng	636.364	28.812.946

08 . Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản khác	4.374.728	15.244.762
Cộng	4.374.728	15.244.762

09 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	406.293.485	401.255.534
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	406.293.485	401.255.534

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021**Đơn vị tính: VND***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01 . Báo cáo bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là tại Việt Nam (100% nội địa)

02 . Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các thành viên (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.20.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.813.894.085	21.512.311.495
Đầu tư ngắn hạn	35.792.499.877	12.792.499.877
Phải thu khách hàng	31.547.607.303	54.857.521.386
Các khoản phải thu khác	10.327.805.569	9.205.506.581
Cộng	90.481.806.834	98.367.839.339
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	3.601.500.000	4.218.900.000
Phải trả cho người bán	3.904.663.848	7.111.456.883
Các khoản phải trả khác	18.031.214.406	16.625.527.638
Cộng	25.537.378.254	27.955.884.521

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty tập trung ở trong nước, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không tồn tại do công ty chỉ sử dụng VND trong hạch toán và giao dịch.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ khách hàng cùng chủ đầu tư có mối quan hệ liên kết với công ty.

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021**Đơn vị tính: VND*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	3.601.500.000	-	3.601.500.000
Phải trả người bán	3.904.663.848	-	-	3.904.663.848
Các khoản phải trả khác	742.368.725	-	-	742.368.725
Cộng	4.647.032.573	3.601.500.000	-	8.248.532.573

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu kỳ				
Phải trả người bán	7.111.456.883	-	-	7.111.456.883
Các khoản phải trả khác	168.015.473	-	-	168.015.473
Cộng	7.279.472.356	-	-	7.279.472.356

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.813.894.085	-	-	12.813.894.085
Đầu tư ngắn hạn	35.792.499.877	-	-	35.792.499.877
Phải thu khách hàng	31.547.607.303	-	-	31.547.607.303
Các khoản phải thu khác	10.327.805.569	-	-	10.327.805.569
Cộng	90.481.806.834	-	-	90.481.806.834

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021**Đơn vị tính: VND*

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.512.311.495	-	-	21.512.311.495
Đầu tư ngắn hạn	12.792.499.877	-	-	12.792.499.877
Phải thu khách hàng	54.857.521.386	-	-	54.857.521.386
Các khoản phải thu khác	9.205.506.581	-	-	9.205.506.581
Cộng	98.367.839.339	-	-	98.367.839.339

03 . Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu**Nguyễn Hoàng Mộng Kiều****Kế toán trưởng****Trần Thị Bảo Trinh**

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2021

Giám đốc**Nguyễn Trường Phi**